

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2015

(XÉT TUYỂN ĐỢT 1, THEO ĐỀ ÁN TUYỂN SINH RIÊNG DỰA VÀO ĐIỂM HỌC BẠ)

(Kèm theo Quyết định số 555 ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Quê quán	Ngành	Tổng điểm
1	Đinh Thành	Tuân	17/5/95	Nam	Việt Yên - Bắc Giang	Quản lý đất đai	24.1
2	Lê Thị Hương	Ly	16/6/97	Nữ	TX Quảng Yên - Quảng Ninh	Công nghệ sinh học	23.9
3	Đỗ Ngọc	Bích	14/10/97	Nữ	Tiên Lữ - Hưng Yên	Bảo vệ thực vật	22.2
4	Giàng A	Lỳ	27/3/94	Nam	Tùa Chùa - Điện Biên	Quản lý tài nguyên rừng	22.0
5	Hứa Thị	Ly	09/10/96	Nữ	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Lâm Sinh	21.8
6	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/9/97	Nữ	Ninh Xá - Bắc Ninh	Thú y	21.7
7	Thân Thị	Lan	06/8/96	Nữ	Việt Yên - Bắc Giang	Kế toán	21.6
8	Tạ Thị Bích	Phương	26/9/97	Nữ	Chương Mỹ - Hà Nội	Quản lý tài nguyên và môi trường	21.5
9	Nguyễn Thế	Tuấn	23/8/96	Nam	Quế Võ - Bắc Ninh	Quản lý tài nguyên rừng	21.5
10	Trương Hồng	Hạnh	07/07/97	Nữ	Quế Võ - Bắc Ninh	Quản lý tài nguyên và môi trường	21.4
11	Trần Việt	Chung	28/7/97	Nữ	Kim Bảng - Hà Nam	Khoa học cây trồng	21.3
12	Nguyễn Hồng	Dương	20/12/97	Nam	Chương Mỹ - Hà Nội	Công nghệ sinh học	21.3
13	Hoàng Thị	Khánh	05/07/97	Nữ	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Quản lý đất đai	21.3
14	Nguyễn Đức	Trung	24/01/96	Nam	Hải Dương	Thú y	21.3
15	Phạm Thị Phương	Anh	22/7/97	Nữ	Đại Phúc - Bắc Ninh	Quản lý tài nguyên và môi trường	21.2
16	Bùi Huy	Hoàng	28/10/97	Nam	Chí Linh - Hải Dương	Quản lý tài nguyên rừng	21.2
17	Quách Cao	Hưởng	14/4/97	Nam	Tiên Du - Bắc Ninh	Thú y	21.2
18	Nguyễn Thị	Ngọc	11/5/96	Nữ	Võ Cường - Bắc Ninh	Kinh tế	21.1

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Quê quán	Ngành	Tổng điểm
19	Tô Lan	Phương	17/8/97	Nữ	TX Quảng Yên - Quảng Ninh	Kế toán	21.1
20	Triệu Tồn	Khoa	15/5/94	Nam	Văn Yên - Yên Bái	Quản lý đất đai	20.9
21	Đỗ Thị	Ngọc	07/05/96	Nữ	Việt Yên - Bắc Giang	Kinh tế	20.9
22	Đặng Quốc	Vũ	30/10/97	Nam	Yên Dũng - Bắc Giang	Quản lý đất đai	20.7
23	Nguyễn Thị	Quyên	20/06/97	Nữ	Việt Yên - Bắc Giang	Công nghệ thực phẩm	20.6
24	Vũ Công	Đức	20/7/84	Nam	Phủ Lý - Hà Nam	Lâm Sinh	20.5
25	Nguyễn Quốc	Việt	22/10/97	Nam	Bắc Ninh	Quản lý tài nguyên và môi trường	20.5
26	Nguyễn Thị	Huế	07/09/97	Nữ	Tân Yên - Bắc Giang	Quản lý đất đai	20.3
27	Nguyễn Thị	Thúy	02/11/97	Nữ	Việt Yên - Bắc Giang	Kế toán	20.3
28	Đỗ Thị	Tuyết	27/10/96	Nữ	Quế Võ - Bắc Ninh	Kế toán	20.3
29	Đỗ Thị	Nga	13/04/97	Nữ	Việt Yên - Bắc Giang	Kế toán	20.2
30	Chu Thị	Hà	28/02/97	Nữ	Bắc Ninh	Kinh tế	20.1
31	Phan Ngọc	Hiếu	19/10/97	Nam	Lương Sơn - Hòa Bình	Quản lý tài nguyên và môi trường	20.1
32	Nguyễn Sơn	Tùng	24/2/96	Nam	Hiệp Hòa - Bắc Giang	Kế toán	20.1
33	Lý Thị	Cường	11/10/97	Nữ	Mèo Vạc - Hà Giang	Quản lý tài nguyên rừng	20.0
34	Nguyễn Tú	Xuyên	04/12/97	Nữ	Sơn Động - Bắc Giang	Chăn nuôi	20.0
35	Vũ Thị Nguyệt	Anh	27/5/96	Nữ	Việt Yên - Bắc Giang	Kế toán	19.9
36	Nguyễn Thị	Dương	17/8/96	Nữ	Anh Sơn - Nghệ An	Thú y	19.9
37	Nguyễn Xuân	Toàn	07/08/97	Nam	Phổ Yên - Thái Nguyên	Quản lý đất đai	19.9
38	Nguyễn Xuân	Toàn	07/08/97	Nam	Phổ Yên - Thái Nguyên	Quản lý tài nguyên và môi trường	19.9
39	Nguyễn Văn	Đạt	10/10/95	Nam	Hiệp Hòa - Bắc Giang	Quản lý đất đai	19.8
40	Dương Văn	Quyết	08/3/95	Nam	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Thú y	19.8
41	Đinh Duy	Hiệp	13/07/97	Nam	Tam Điệp - Ninh Bình	Quản lý đất đai	19.7
42	Dương Trọng	Tài	16/01/97	Nam	Hiệp Hòa - Bắc Giang	Thú y	19.7
43	Nguyễn Thị Vân	Anh	01/02/97	Nữ	Bắc Hà - Lào Cai	Lâm sinh	19.5

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Quê quán	Ngành	Tổng điểm
44	Lù Thị	Pó	04/6/95	Nữ	Quản Bạ - Hà Giang	Khoa học cây trồng	19.5
45	Hoàng Thị Thu	Trà	25/11/97	Nữ	Lục Ngạn - Bắc Giang	Thú y	19.5
46	Trịnh Hải	Yến	29/3/97	Nữ	Suối Hoa - Bắc Ninh	Công nghệ thực phẩm	19.4
47	Kim Văn	Minh	24/12/94	Nam	Phúc Thọ - Hà Nội	Kinh tế	19.3
48	Hoàng Văn	Tài	06/7/97	Nam	Việt Yên - Bắc Giang	Kế toán	19.2
49	Lương Thị	Đạt	17/04/97	Nữ	Sơn Động - Bắc Giang	Thú y	19.1
50	Nguyễn Tiến	Hải	10/01/97	Nam	Lạng Giang - Bắc Giang	Chăn nuôi	19.1
51	Nguyễn Thị	Hạnh	21/08/96	Nữ	Vụ Bản - Nam Định	Thú y	19.1
52	Hoàng Nhật	Quang	18/10/96	Nam	Quỳnh Lưu - Nghệ An	Khoa học cây trồng	19.1
53	Nguyễn Văn Việt	Anh	04/6/96	Nam	Thọ Xuân - Thanh Hóa	Thú y	19.0
54	Nguyễn Thị	Chinh	15/8/97	Nữ	Tân Yên - Bắc Giang	Thú y	19.0
55	Thân Thị	Chuyên	18/8/88	Nữ	Việt Yên - Bắc Giang	Kế toán	19.0
56	Chung Văn	Oai	28/8/96	Nam	Vị Xuyên - Hà Giang	Quản lý tài nguyên rừng	19.0
57	Đặng Văn	Thanh	21/5/96	Nam	Gia Bình - Bắc Ninh	Chăn nuôi	19.0
58	Nguyễn Xuân	Đoan	03/02/97	Nam	Yên Thế - Bắc Giang	Kế toán	18.9
59	Dương Quang	Hải	01/5/96	Nam	Lục Ngạn - Bắc Giang	Thú y	18.9
60	Thân Thị Hồng	Hiên	10/04/97	Nữ	Việt Yên - Bắc Giang	Kế toán	18.9
61	Phan Văn	Tích	06/03/94	Nam	Yên Minh - Hà Giang	Quản lý tài nguyên rừng	18.9
62	Hạ Tiến	Tùng	02/12/97	Nam	Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	Quản lý tài nguyên và môi trường	18.9
63	Đỗ Trung	Anh	14/02/97	Nam	Bảo Thắng - Lào Cai	Quản lý tài nguyên và môi trường	18.8
64	Vũ Minh	Ánh	01/10/97	Nữ	Bắc Giang	Quản lý tài nguyên và môi trường	18.8
65	Nguyễn Duy	Vinh	13/4/97	Nam	Tân Mỹ - Bắc Giang	Quản lý tài nguyên và môi trường	18.8
66	Bạch Nhật	Lệ	02/06/97	Nữ	Lạc Thủy - Hòa Bình	Khoa học cây trồng	18.7
67	Đặng Thị	Phim	17/7/97	Nữ	Lâm Bình - Tuyên Quang	Quản lý tài nguyên rừng	18.5
68	La Văn	Thành	25/9/97	Nam	Sơn Động - Bắc Giang	Chăn nuôi	18.5

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Quê quán	Ngành	Tổng điểm
69	Lương Anh	Đức	20/09/97	Nam	Hiệp Hòa - Bắc Giang	Thú y	18.4
70	Nguyễn Xuân Duy	Khánh	24/11/97	Nam	Tân Yên - Bắc Giang	Bảo vệ thực vật	18.4
71	Nguyễn Trí	Lực	21/9/95	Nam	Tân Yên - Bắc Giang	Quản lý tài nguyên và môi trường	18.4
72	Lù Thị	Ngoi	18/01//97	Nữ	Quản Bạ - Hà Giang	Quản lý tài nguyên rừng	18.4
73	Nguyễn Khắc	Thịnh	24/6/97	Nam	Võ Cường - Bắc Ninh	Quản lý tài nguyên và môi trường	18.4
74	Nguyễn Thị Hồng	Anh	08/11/97	Nữ	Hiệp Hòa - Bắc Giang	Thú y	18.3
75	Trần Ngọc	Uyên	15/9/97	Nữ	Bắc Giang	Kinh tế	18.3
76	Vàng Văn	Bình	02/3/97	Nam	Bắc Hà - Lào Cai	Quản lý đất đai	18.2
77	Nguyễn Mạnh	Hồ	13/8/95	Nam	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Thú y	18.1

Tổng số thí sinh theo danh sách: 77